**ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 05**

|  |  |
| --- | --- |
| 11.  (M-Br) What would you like to drink?  (W-Am) (A) Yes, thank you.  (B) No, I don’t.  **(C) Orange juice, please.** | 11.  Bạn muốn uống gì?  (A) Đúng vậy, cảm ơn bạn.  (B) Không, tôi không làm.  **(C) Nước cam.** |
| 12.  (W-Br) How did you learn of this position  at Norman Press?  (W-Am) **(A) I read about it in the**  **newspaper.**  (B) I’m still learning how.  (C) It opens at 9:00 A.M. | 12.  Làm thế nào mà bạn biết tin về vị trí này tại Norman Press?  **(A) Tôi đã đọc nó trên báo.**  (B) Tôi vẫn đang học cách.  (C) Nó mở cửa lúc 9 giờ. |
| 13.  (W-Am) Why don’t you come to the beach  with us?  (M-Br) (A) I don’t eat peaches.  (B) Yes, he arrived today.  **(C) Sure. When are you leaving?** | 13.  Bạn có muốn đi biển cùng chúng tôi không?  (A) Tôi không ăn quả đào.  (B) Đúng vậy, hôm nay anh ấy đã đến.  **(C) Chắc chắn rồi. Khi nào thì các bạn đi?** |
| 14.  (M-Am) When is the race supposed to start?  (W-Br) (A) The ticket cost ten dollars.  **(B) In ten minutes.**  (C) We’ve just run out. | 14.  Khi nào thì cuộc đua bắt đầu?  (A) Vé có giá 10 đô la.  **(B) Trong 10 phút nữa.**  (C) Chúng tôi vừa hết sạch. |
| 15.  (W-Br) Are you leaving work early today?  (W-Am) **(A) Yes, at three o’clock.**  (B) The leaves are brown.  (C) I left it on your desk. | 15.  Hôm nay bạn có rời công việc sớm không?  **(A) Có, lúc 3 giờ.**  (B) Những chiếc lá màu nâu.  (C) Tôi đã để nó trên bàn của bạn. |
| 16.  (M-Br) Who’s going to be working on the  design project?  (M-Am) (A) I read the sign.  **(B) Just you and Tom, I think.**  (C) A week from tomorrow. | 16.  Ai sắp sửa làm việc về dự án thiết kế?  (A) Tôi đã đọc biển hiệu  **(B) Chỉ có bạn và Tom, tôi nghĩ vậy.**  (C) Một tuần kể từ ngày mai. |

|  |  |
| --- | --- |
| 17.  (W-Br) That’s a new table, isn’t it?  (M-Am) (A) Of course you can.  **(B) Yes, I bought it yesterday.**  (C) I didn’t see the news. | 17.  Đó là một cái bàn mới phải không?  (A) Dĩ nhiên là bạn có thể.  **(B) Phải, tôi đã mua nó hôm qua.**  (C) Tôi dã không nhìn thấy tin tức. |
| 18.  (W-Br) I think Henry’s a great team leader.  (M-Br) (A) There are five players.  (B) Yes, I’ll go later.  **(C) Yes, he’s very good.** | 18.  Tôi nghĩ Henry là một người trưởng nhóm tuyệt vời.  (A) Có 5 người chơi.  (B) Đúng vậy, chút nữa tôi sẽ đi.  **(C) Đúng vậy, anh ấy rất giỏi.** |
| 19.  (M-Am) Where’s the nearest public phone?  (W-Br) (A) Thirty-five cents a minutes.  **(B) There’s one across the street.**  (C) Please call again later. | 19.  Điện thoại công cộng gần nhất ở đâu vậy?  (A) 35 cent một phút.  **(B) Có một cái ở bên kia đường.**  (C) Vui lòng gọi lại sau. |
| 20.  (W-Br) Can we walk to the station, or should  we drive?  (M-Br) (A) No, a round-trip ticket.  (B) We work at the bank.  **(C) I think we should drive.** | 20.  Chúng ta có thể đi bộ đến nhà ga, hay là chúng ta nên lái xe?  (A) Không, một vé khứ hồi.  (B) Chúng tôi làm việc tại ngân hàng.  **(C) Tôi nghĩ chúng ta nên lái xe.** |
| 21.  (W-Am) I’m not sure I can lift this box alone.  (W-Br) **(A) Wait, I’ll give you a hand.**  (B) Add them together.  (C) I think it will fit in the box. | 21.  Tôi không chắc là tôi có thể nhấc cái hộp này một mình.  **(A) Đợi đã, tôi sẽ giúp bạn một tay.**  (B) Cộng chúng vào nhau.  (C) Tôi nghĩ nó sẽ vừa vặn với cái hộp. |
| 22.  (M-Br) Isn’t Mr. Williams a little late?  (W-Am) **(A) Yes, he should be here by now.**  (B) Yes, it is a bit small.  (C) Late yesterday afternoon. | 22.  Có phải ông William đi trễ một tí không?  **(A) Phải, lúc này ông ấy nên ở đây rồi.**  (B) Phải, nó khá là nhỏ.  (C) Cuối buổi chiều hôm qua. |
| 23.  (W-Am) When does the grocery store close?  (M-Am) (A) He bought fruit.  (B) Close the door, please.  **(C) Soon, I think.** | 23.  Khi nào thì cửa hàng bách hoá đóng cửa?  (A) Anh ấy đã mua trái cây.  (B) Vui lòng đóng cửa lại.  **(C) Sớm thôi, tôi nghĩ vậy.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 24.  (W-Br) Which is the key to the filling  cabinet?  (M-Br) (A) You could file a complaint.  **(B) The one with the red tag.**  (C) Fill it in later. | 24.  Chìa khoá nào dùng để mở tủ đựng hồ sơ?  (A) Bạn có thể trình bày lời phàn nàn.  **(B) Chìa khoá có thẻ màu đỏ.**  (C) Hãy làm nó sau đi. |
| 25.  (M-Am) Why was the schedule changed?  (M-Br) **(A) Because Mr. Wayne couldn’t**  **be here then.**  (B) I’ll schedule an appointment.  (C) Sorry, I don’t have any. | 25.  Tại sao lịch trình lại bị thay đổi?  **(A) Do ông Wayne không thể ở đây vào**  **lúc đó.**  (B) Tôi sẽ xếp lịch một cuộc hẹn.  (C) Xin lỗi, tôi không có cái nào. |
| 26.  (W-Am) Do you want to sit in the cafeteria  or on the patio outside?  (W-Br) (A) This is very good coffee.  **(B) Let’s stay indoors.**  (C) Pizza and a soda, please. | 26.  Bạn muốn ngồi trong quán ăn tự phục vụ hay là ngồi ngoài sân?  (A) Cà phê này rất là tốt.  **(B) Chúng ta hãy ở trong nhà đi.**  (C) Pizza và nước xô-đa. |
| 27.  (M-Br) Weren’t we supposed to meet at two?  (W-Br) (A) No, you can’t have too many.  (B) I met him yesterday.  **(C) Yes, but I had trouble getting**  **a taxi.** | 27.  Có phải chúng ta đã hẹn gặp lúc 2 giờ không?  (A) Không, bạn không thể có quá nhiều.  (B) Tôi đã gặp anh ấy hôm qua.  **(C) Phải, nhưng tôi đã gặp một vài rắc rối**  **khi bắt taxi.** |
| 28.  (M-Am) Have you finished the book I lent  you?  (W-Am) (A) As soon as he calls.  (B) My rent has gone up.  **(C) Yes, I’ll return it soon.** | 28.  Bạn đã đọc xong cuốn sách mà tôi cho bạn mượn chưa?  (A) Ngay khi anh ấy gọi.  (B) Tiền thuê nhà của tôi đã tăng lên.  **(C) Rồi, tôi sẽ trả lại nó sớm.** |
| 29.  (M-Am) How big is the meeting room?  (M-Br) **(A) Big enough for thirty people.**  (B) On the tenth floor.  (C) Yes, it should be. | 29.  Phòng họp rộng tới mức nào?  **(A) Đủ rộng cho 30 người.**  (B) Ở tầng 10.  (C) Đúng vậy, nó nên như vậy. |

|  |  |
| --- | --- |
| 30.  (W-Br) Who does this reference manual  belong to?  (W-Am) (A) It won’t be long.  **(B) It’s probably mine.**  (C) Yes, it does. | 30.  Cuốn sách hướng dẫn tham khảo này là của ai?  (A) Nó sẽ không dài đâu.  **(B) Có lẽ là của tôi.**  (C) Đúng vậy. |
| 31.  (M-Am) Didn’t Joe used to work in the  shipping department?  (W-Am) (A) Please send it by overnight  mail.  **(B) Yes, but he was transferred.**  (C) A lot of work today. | 31.  Có phải Joe đã từ làm việc ở bộ phận giao hàng không?  (A) Vui lòng gửi nó bằng mail gửi qua đêm.  **(B) Phải, nhưng anh ấy đã được thuyên**  **chuyển.**  (C) Hôm nay có nhiều việc. |
| 32.  (W-Br) This is Doctor Johnson’s office,  right?  (M-Br) (A) I wrote him a letter.  (B) I’d like the one on the left.  **(C) No, that’s next door.** | 32.  Đây là văn phòng của bác sĩ Johnson phải không?  (A) Tôi đã viết thư cho anh ấy.  (B) Tôi thích cái ở bên trái.  **(C) Không phải, nó ở bên cạnh.** |
| 33.  (W-Am) Don’t you want to go out for lunch?  (W-Br) (A) It was last night.  **(B) I’ll be ready in a few minutes.**  (C) He didn’t like it. | 33.  Bạn có muốn ra ngoài ăn trưa không?  (A) Đó là tối hôm qua.  **(B) Tôi sẽ sẵn sàng đi trong vài phút nữa.**  (C) Anh ấy đã không thích nó. |
| 34.  (M-Br) Why are there so many cars on the  road today?  (W-Br) (A) It needs a lighter load.  **(B) There’s a special event later.**  (C) I’ll drive myself, thanks. | 34.  Sao hôm nay có quá nhiều xe hơi trên đường vậy?  (A) Nó cần một tải trọng nhẹ hơn.  **(B) Sắp có một sự kiện đặc biệt.**  (C) Tôi sẽ tự lái xe, cảm ơn bạn. |
| 35.  (W-Am) Where can I pay for this sweater?  (M-Am) (A) Yes, it’s rather cold outside.  **(B) There’s a cash register right**  **over there.**  (C) You can have it back on  Monday. | 35.  Tôi có thể thanh toán cái áo len này ở đâu?  (A) Đúng vậy, ở bên ngài trời khá lạnh.  **(B) Có một máy tính tiền ở ngay đằng kia.**  (C) Bạn có thể đến lấy lại nó vào thứ Hai. |

|  |  |
| --- | --- |
| 36.  (W-Br) Excuse me, I don’t see an expiration  date on this can.  (M-Am) **(A) It should be on the bottom.**  (B) My license has expired.  (C) We could meet on March first. | 36.  Xin lỗi, tôi không thấy ngày hết hạn trên cái hộp thiếc này.  **(A) Có thể nó ở dưới đáy hộp.**  (B) Bằng của tôi đã hết hạn.  (C) Chúng ta có thể gặp nhau vào ngày 1  tháng 3. |
| 37.  (M-Br) Could I give you a call if I have any  further questions?  (W-Am) (A) Let’s call and ask for directions.  **(B) I’d be happy to help in any**  **way possible.**  (C) Just tell him I have a few  questions. | 37.  Tôi có thể gọi cho bạn nếu tôi có thêm câu hỏi không?  (A) Chúng ta hãy gọi và yêu cầu hướng dẫn.  **(B) Tôi rất vui được giúp đỡ bằng mọi**  **cách có thể.**  (C) Chỉ cần nói với anh ấy là tôi có một vài  câu hỏi. |
| 38.  (M-Am) Do you want me to take the highway  or Parker Avenue?  (W-Br) **(A) Won’t the highway be faster?**  (B) Let’s get out of the hallway.  (C) No, I don’t want one, thanks. | 38.  Bạn muốn tôi đi đường cao tốc hay là đi Đại lộ Parker?  **(A) Đường cao tốc có nhanh hơn không?**  (B) Chúng ta hãy ra khỏi sảnh chính.  (C) Không, tôi không muốn nó, cảm ơn bạn. |
| 39.  (M-Br) When are you going to finish the  report?  (M-Am) (A) I saw it on the news.  **(B) Later today.**  (C) Yes, all last week. | 39.  Khi nào thì bạn dự định hoàn thành báo cáo?  (A) Tôi đã thấy nói trên tin tức.  **(B) Cuối ngày hôm nay.**  (C) Đúng vậy, cả tuần trước. |
| 40.  (W-Am) Could I please look at the financial  projections for next year?  (M-Br) **(A) You’ll have to wait until next**  **week.**  (B) It looks like it.  (C) Why was it rejected? | 40.  Tôi có thể xem đề án tài chính của năm sau không?  **(A) Bạn sẽ phải đợi đến tuần sau.**  (B) Có vẻ như chính là nó.  (C) Tại sao nó lại bị từ chối? |